

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6450/BNI-QLDN1

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

V/v tuyên truyền một số nội dung cốt lõi tại
Nghị định số 236/2025/NĐ-CP và hướng dẫn
cách thức tổ chức thực hiện đăng ký, kê khai,
nộp thuế đối với thuế tối thiểu toàn cầu

Kính gửi: Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Ngày 29/11/2023, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Ngày 29/08/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 236/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Nghị định số 236/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2025, áp dụng từ năm tài chính 2024 đối với đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao ít nhất 02 năm trong 04 năm liền kề trước năm tài chính xem xét tương đương mức 750 triệu EUR trở lên.

Để tạo điều kiện hỗ trợ người nộp thuế kịp thời cập nhật và triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ chính sách, pháp luật thuế, Thuế tỉnh Bắc Ninh tóm tắt một số nội dung quan trọng của Nghị định số 236/NĐ-CP cần lưu ý trong quá trình thực hiện như sau:

I/ Những nội dung cốt lõi của Nghị định số 236/2025/NĐ-CP:

1. Mục 1: Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu đạt chuẩn (QDMTT)

a) Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15 quy định đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong năm tài chính phải áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

Theo đó, Điều 4 Nghị định quy định về nguyên tắc áp dụng QDMTT như sau:

- Nơi cư trú của một đơn vị hợp thành (để xác định đơn vị có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hay không) được xác định theo quy định tại Mục I Phụ lục II kèm theo Nghị định.

- Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn một đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm xác định nghĩa vụ theo quy định về QDMTT cho tất cả các đơn vị hợp thành tại Việt Nam của tập đoàn đa quốc gia đó, tập đoàn tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ.

- QDMTT không áp dụng đối với đơn vị hợp thành không xác định được nước nơi cư trú, cơ sở thường trú không xác định được nước nơi cư trú và đơn vị đầu tư.

- Năm tài chính để áp dụng QDMTT là năm tài chính của công ty mẹ tối cao (trừ trường hợp liên doanh).

b) Khoản 2 đến khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15 quy định công thức tính Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn. Theo đó, để tính thuế bổ sung theo QDMTT thì về cơ bản cần xác định được:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh;

- Thu nhập ròng hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành;

- Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành.

c) Khoản 1 Điều 5 Nghị định quy định chi tiết việc xác định các thành tố nêu trên, cụ thể như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng bao gồm: Thuế được ghi trong sổ kế toán liên quan đến thu nhập hoặc lợi nhuận của một đơn vị hợp thành hoặc liên quan đến phần thu nhập hoặc phần lợi nhuận của một đơn vị hợp thành khác mà đơn vị đó nắm giữ quyền sở hữu; các loại thuế khác có bản chất tương tự như thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ các khoản thuế sau: Thuế bổ sung do công ty mẹ trích trước theo IIR đạt chuẩn (nếu có); thuế bổ sung được trích trước bởi một đơn vị hợp thành theo QDMTT; thuế do đơn vị hợp thành là công ty bảo hiểm nộp thay đổi với thu nhập từ đầu tư của chủ hợp đồng bảo hiểm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh là số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp

dụng và được điều chỉnh theo quy định từ điểm 7 đến điểm 11 Mục II Phụ lục II, bao gồm các điều chỉnh sau:

+ Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác;

+ Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng;

+ Xử lý các khoản chênh lệch tạm thời;

+ Thực hiện Lựa chọn Lỗi theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

+ Điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai và thay đổi thuế suất;

- Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15, đảm bảo nguyên tắc thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị hợp thành là thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính (lập theo chuẩn mực kế toán tài chính sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao) của đơn vị hợp thành đó trong năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế trước khi có bất kỳ điều chỉnh hợp nhất nào để loại bỏ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao và được điều chỉnh theo quy định từ điểm 1 đến điểm 5 Mục II Phụ lục II, bao gồm các điều chỉnh sau:

+ Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú;

+ Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của đơn vị trung chuyển;

+ Điều chỉnh để xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

+ Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế.

Lưu ý: Theo quy định tại khoản 10, khoản 11 và khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15, báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận (là chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung của các quốc gia thành viên của Khu vực Kinh tế Châu Âu, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ...). Trường hợp báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (là chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng) thì phải thực hiện điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu. Khái niệm khác biệt trọng yếu được quy định tại khoản 12 Phụ lục I.

- Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam gồm tổng các khoản giảm trừ về tài sản hữu hình và tổng các khoản giảm trừ về tiền lương của mỗi đơn vị hợp thành, trừ các đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư. Cách xác định khoản giảm trừ về tài sản hữu hình và khoản giảm trừ về tiền lương được thực hiện theo quy định tại điểm 6 Mục II Phụ lục II.

- Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành bao gồm:

+ Số tiền thuế bổ sung phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại.

+ Số tiền thuế bổ sung phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến (quy định cụ thể tại điểm 8.5 Mục II Phụ lục II).

d) Khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15 quy định trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 khi đáp ứng điều kiện về doanh thu bình quân và thu nhập bình quân.

Khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định quy định chi tiết việc xác định doanh thu bình quân và thu nhập bình quân nêu trên trong một số trường hợp cụ thể như đơn vị hợp thành có năm tài chính khác 12 tháng hay khi phát sinh các khoản điều chỉnh sau kê khai liên quan đến các điều khoản điều chỉnh thuế suất thực tế làm thu nhập bình quân và doanh thu bình quân tại Việt Nam vượt ngưỡng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15 nêu trên.

e) Khoản 4 Điều 5 Nghị định dẫn chiếu đến Mục II Phụ lục II về việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo QDMTT đối với một số trường hợp đặc thù như: các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia, Chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả, Liên doanh, Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ, Cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là một đơn vị trung chuyển.

2. Mục 2: Quy định về tổng thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

a) Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15 quy định Công ty mẹ tối cao, công ty mẹ bị sở hữu một phần, công ty mẹ trung gian tại Việt Nam nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính phải khai và nộp thuế theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu bằng phần thuế phân bổ từ thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp ở nước ngoài trong năm tài chính, trừ trường hợp số thuế bổ sung này được nộp ở nước khác, nơi có quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu đạt chuẩn được ưu tiên áp dụng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu về thứ tự ưu tiên đánh thuế.

Theo đó:

- Khoản 1 Điều 6 Nghị định quy định chi tiết khái niệm quyền sở hữu là lợi ích vốn chủ sở hữu, theo đó chủ sở hữu có các quyền đối với lợi nhuận, vốn hoặc các khoản khác thuộc vốn chủ sở hữu của một đơn vị.

- Khoản 2 Điều 6 Nghị định quy định thứ tự ưu tiên áp dụng IIR theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Về cơ bản, Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ Công ty mẹ bị sở hữu một phần đến Công ty mẹ tối cao, và cuối cùng là Công ty mẹ trung gian.

- Khoản 3 Điều 6 Nghị định quy định nước thực hiện IIR đạt chuẩn theo danh sách do Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu công bố.

b) Quy định chi tiết khoản 2 đến khoản 12 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Tương tự như đối với Quy định về QDMTT, khoản 1 Điều 7 Nghị định cũng quy định chi tiết việc xác định các thành tố để xác định tổng số thuế bổ sung tại một nước. Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Nghị định quy định chi tiết việc xác định doanh thu bình quân và thu nhập bình quân tại một nước để xác định tổng số thuế bổ sung tại nước đó bằng 0.

Đối với các nội dung quy định trùng nhau giữa QDMTT và IIR, Nghị định không nhắc lại mà dẫn chiếu đến Điều 4 và Điều 5 nêu trên.

- Ngoài ra, khác với QDMTT, tổng số thuế bổ sung tại một nước theo IIR sẽ được phân bổ cho từng đơn vị hợp thành theo quy định tại khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Từ đó, xác định số thuế phân bổ cho công ty mẹ bằng số

thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nhân với tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Do đó, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định quy định chi tiết việc xác định số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15 nêu trên.

c) Khoản 4 Điều 7 Nghị định dẫn chiếu đến Mục III Phụ lục II về việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo IIR đối với một số trường hợp đặc thù như: trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả, liên doanh, công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển, công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức, quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ, tính thuế suất thực tế với các đơn vị đầu tư, lựa chọn đơn vị đầu tư không chịu thuế thu nhập, lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập, các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, quy định đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia, tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ.

Quy định về IIR bao gồm cả các trường hợp đặc thù và phức tạp hơn, đảm bảo đầy đủ theo các hướng dẫn của OECD để khi doanh nghiệp Việt Nam thực hiện đầu tư ra nước ngoài mà pháp luật của nước nhận đầu tư hoặc thực tế tại nước nhận đầu tư có phát sinh các hình thức này thì doanh nghiệp Việt Nam có cơ sở pháp lý để thực hiện.

3. Mục 3: Quy định chuyển tiếp và giảm trừ trách nhiệm

a) Điều 8 Xử lý các khoản thuế trong thời gian chuyển tiếp

Theo đó, đối với năm tài chính đầu tiên mà tập đoàn đa quốc gia thuộc phạm vi của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và cho mỗi năm tiếp theo, tập đoàn đa quốc gia phải tính đến tất cả các khoản tài sản thuế hoãn lại và các khoản thuế hoãn lại phải trả được phản ánh hoặc ghi nhận trong báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp, các khoản tài sản thuế hoãn lại và các khoản thuế hoãn lại phải trả được xác định theo quy định từ điểm 1 đến điểm 6 Mục IV Phụ lục II.

Trường hợp một đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại Việt Nam trước khi thuộc đối tượng áp dụng IIR tại nước của công ty mẹ thì năm chuyển tiếp mới là năm tài chính đầu tiên mà đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp

dụng IIR tại nước của công ty mẹ và thuế suất thực tế tại Việt Nam được xác định theo quy định tại điểm 7 Mục IV Phụ lục II.

b) Điều 9 Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

Thuế bổ sung theo QDMTT tại Việt Nam được xác định bằng 0 (không) trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế của tập đoàn đa quốc gia khi tập đoàn đa quốc gia đó có các đơn vị hợp thành tại không quá 06 nước và tổng giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại tất cả các nước ngoài nước tham chiếu không vượt quá 50 triệu EUR.

Trong đó, nước tham chiếu của tập đoàn đa quốc gia là nước mà tập đoàn đa quốc gia có tổng giá trị tài sản hữu hình cao nhất trong năm tài chính đầu tiên tập đoàn đó lần đầu thuộc phạm vi áp dụng của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

c) Điều 10 Giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT

- Trường hợp QDMTT tại một nước đáp ứng các điều kiện về giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT theo danh sách do Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu công bố thì thuế bổ sung tại nước đó theo IIR của Việt Nam được xác định bằng 0.

- Trường hợp QDMTT tại một nước đáp ứng các điều kiện về giảm trừ trách nhiệm nhưng tập đoàn đa quốc gia không thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại nước đó hoặc cơ quan thuế tại nước đó không thu được QDMTT đối với đơn vị hợp thành tại nước đó thì tập đoàn đa quốc gia không được áp dụng quy định nêu trên.

d) Điều 11 Giảm trừ trách nhiệm trong thời gian chuyển tiếp cho các năm tài chính từ 2024 đến 2026.

- Điểm a khoản 6 Điều 6 Nghị quyết 107/2023/QH15 quy định Tập đoàn sử dụng số liệu trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn để xác định các tiêu chí về (i) tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế TNDN, (ii) thuế suất thực tế được đơn giản hóa hoặc (iii) lợi nhuận trước thuế TNDN. Trường hợp đáp ứng một trong các tiêu chí nêu trên, số thuế bổ sung tại một quốc gia cho năm tài chính sẽ được xác định là bằng 0.

- Khoản 1 và Khoản 2 Điều 11 Nghị định dẫn chiếu đến quy định từ điểm 1 đến điểm 10 mục V Phụ lục II, quy định chi tiết về quy định giảm trừ trách nhiệm nêu trên, bao gồm cách xác định tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế TNDN, báo

cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn, thuế suất thực tế được đơn giản hóa, báo cáo tài chính đạt chuẩn.

- Điểm b khoản 6 Điều 6 Nghị quyết trong giai đoạn chuyển tiếp, không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với hành vi vi phạm về khai và nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung kèm theo Bản thuyết minh giải trình chênh lệch.

- Khoản 4 và Khoản 5 Điều 11 Nghị định quy định chi tiết các hành vi không xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nêu trên. Cụ thể, bao gồm các hành vi:

- + Gửi thông báo quá thời hạn hoặc không gửi thông báo theo quy định;
- + Đăng ký thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định;
- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế quá thời hạn quy định nhưng không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;
- + Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định, làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;
- + Khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn;
- + Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định; nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;
- + Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên kể từ ngày hết thời hạn quy định, có phát sinh số tiền thuế phải nộp nhưng người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định kiểm tra, thanh tra hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.
- + Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và người nộp

thuế đã tự giác nộp đủ số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

e) Điều 12 Giảm trừ trách nhiệm

Khoản 7 Điều 6 Nghị quyết 107/2023/QH15 quy định về việc sử dụng phương pháp tính toán đơn giản để xác định việc đáp ứng các tiêu chí giảm trừ trách nhiệm đối với lợi nhuận tính thuế bổ sung, doanh thu và thu nhập bình quân, thuế suất thực tế. Tuy nhiên, đến nay OECD chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính toán đơn giản nêu trên mà chỉ có quy định áp dụng đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu. Do đó, Nghị định đang dừng lại ở việc liệt kê các tiêu chí và quy định chi tiết việc áp dụng đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu theo hướng dẫn của OECD.

g) Điều 13 Trường hợp không áp dụng giảm trừ trách nhiệm

Theo đó, việc thực hiện giảm trừ trách nhiệm theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 không được áp dụng nếu các sự kiện và hoàn cảnh cụ thể có thể đã ảnh hưởng trọng yếu đến điều kiện được giảm trừ, cơ quan thuế của Việt Nam đã yêu cầu làm rõ về sự kiện và tình huống nêu trên nhưng đơn vị hợp thành có nghĩa vụ nộp thuế không giải trình được trong thời gian cho phép.

4. Mục 4: kê khai, nộp thuế và quản lý thuế:

Quy định về đăng ký, kê khai và nộp thuế tại Nghị định được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật về quản lý thuế hiện hành và thống nhất với các hướng dẫn hành chính trong bộ quy tắc mẫu về thuế tối thiểu toàn cầu. Trong đó bao gồm:

a) Điều 14 Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15:

- Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 hoặc đơn vị hợp thành được Tập đoàn giao trách nhiệm gửi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 tới cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.

Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có liên doanh không phải thành viên của tập đoàn liên doanh, tập đoàn liên doanh, tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

nhưng không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thuộc đối tượng áp dụng của quy định QDMTT thì liên doanh không phải thành viên của tập đoàn liên doanh, tập đoàn liên doanh, tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số nhưng không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số có trách nhiệm gửi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15.

- Người nộp thuế nộp Thông báo Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 theo mẫu số 01/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP và gửi đến cơ quan thuế qua cổng giao dịch điện tử.

Lưu ý: Trường hợp người nộp thuế đã nộp Thông báo Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ quan thuế thì thực hiện nộp qua cổng giao dịch điện tử theo mẫu số 01/TB-ĐVHT được ban hành chính thức tại Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai hoặc danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải gửi lại thông báo tới cơ quan thuế theo mẫu số 01/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP chậm nhất là ngày hết hạn nộp Tờ khai thông tin, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của năm tài chính báo cáo phát sinh thay đổi.

b) Điều 15 quy định về Đăng ký thuế:

- Đối tượng đăng ký thuế:

+ Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn đa quốc gia;

+ Liên doanh không phải thành viên của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

+ Công ty được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

+ Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QMDTT;

+ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QDMTT.

- Thời hạn đăng ký thuế lần đầu sử dụng Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.

Lưu ý: Trường hợp tập đoàn có năm tài chính 2024 kết thúc vào hoặc trước ngày 30/6/2025 thì thời hạn đăng ký thuế là 90 ngày kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành nhưng không muộn hơn thời hạn kê khai, nộp thuế áp dụng đối với tập đoàn đó.

Như vậy, đối với các tập đoàn có năm tài chính trùng với năm dương lịch, năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024 thì thời hạn đăng ký thuế và kê khai nộp thuế theo QDMTT là 31/12/2025.

- Đối tượng đăng ký thuế được cấp mã số thuế 10 chữ số để trực tiếp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

- Trường hợp tập đoàn đa quốc gia thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai mới tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp và có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai trước đó. Đơn vị chịu trách nhiệm kê khai mới thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế và nộp lại Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo Mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT tới cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

- Trường hợp tập đoàn đa quốc gia thay đổi thông tin về tập đoàn trên Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế và nộp lại Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo Mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

Lưu ý: Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai đã nộp Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ quan thuế thì thực hiện nộp qua công giao dịch điện tử theo mẫu số 01/TB-ĐVHT được ban hành chính thức tại Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

c) Điều 16 quy định về Kê khai, nộp thuế:

- Hồ sơ khai thuế

+ Đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn hồ sơ khai thuế gồm:

(1) Tờ khai thông tin theo mẫu số 01/TKTT-QDMTT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

(2) Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo mẫu số 01/TNDN-QDMTT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

(3) Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo mẫu số 01/TM ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

(4) Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia đối với phần thông tin chung của tập đoàn đa quốc gia, thông tin về cấu trúc Tập đoàn và thông tin liên quan đến việc tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, trừ trường hợp tập đoàn đa quốc gia không phải nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu ở bất kỳ quốc gia nào (bản chính hoặc bản sao);

(5) Báo cáo số liệu tài chính từng đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (bản chính hoặc bản sao).

+ Đối với Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) bao gồm:

(1) Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-IIR) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

(2) Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-IIR) ban hành kèm theo Nghị định 236/2025/NĐ-CP;

(3) Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định 236/2025/NĐ-CP;

(4) Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (bản chính hoặc bản sao);

(5) Báo cáo số liệu tài chính của từng đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (bản chính hoặc bản sao).

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế áp dụng theo khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Theo đó, thời hạn nộp hồ sơ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung QDMTT là 12 tháng kể từ sau ngày kết thúc năm tài chính (tức là ngày 31/12/2025 đối với các tập đoàn có năm tài chính trùng với năm dương lịch) và đối với IIR chậm nhất là 18 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với năm đầu tiên của tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng (tức là ngày 30/6/2026 đối với các tập đoàn có năm tài chính trùng với năm dương lịch) và thời hạn chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với các năm tiếp theo.

- Đối với khai bổ sung hồ sơ khai thuế: Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tại năm tài chính báo cáo hiện tại phát hiện hồ sơ khai thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại năm tài chính báo cáo hiện tại hoặc các năm tài chính báo cáo trước đó có sai, sót, ngoại trừ các sai, sót được điều chỉnh vào thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, thuế thuộc phạm vi áp dụng tại năm tài chính báo cáo hiện tại (quy định tại điểm 4.1.7 Mục II Phụ lục II, điểm 11 Mục II Phụ lục II Nghị định số 236/2025/NĐ-CP) thì thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

d) Điều 17 quy định về Đồng tiền khai, nộp thuế:

- Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn đồng tiền khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung bằng Đồng Việt Nam hoặc Đồng tiền sử dụng lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (khác Đồng Việt Nam).

- Trường hợp đã khai Tờ khai thông tin bằng Đồng tiền sử dụng lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (khác Đồng Việt Nam) và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung bằng Đồng Việt Nam thì tỷ giá để quy đổi số thuế bổ sung phải nộp trên Tờ khai thuế TNDN bổ sung sang đồng Việt Nam là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thường xuyên có giao dịch tại ngày nộp hồ sơ khai thuế.

e) Điều 18 đến Điều 22 là các quy định về kiểm tra thuế, xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, xử phạt hành vi vi phạm hành chính thuế, tỷ giá hối đoái và trao đổi thông tin.

II/ Tổ chức thực hiện:

Thuế tỉnh Bắc Ninh đề nghị Quý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện các công việc sau:

1. Nghiên cứu, rà soát, xác định có thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu hay không theo các quy định nêu tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 và Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

Trường hợp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (QDMTT hoặc IIR) thì thực hiện các công việc sau:

- Chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai kèm theo Danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15.

- Thực hiện đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- Nộp hồ sơ khai thuế (theo các mẫu biểu quy định ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP) theo đúng thời hạn quy định.

Tối cơ quan quản lý thu là Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn trực thuộc Cục Thuế qua cổng giao dịch điện tử tại địa chỉ:

<https://dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/homelogin>.

2. Đối với những người nộp thuế đã thực hiện nộp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ quan thuế các Thông báo, tờ khai (như Thông báo Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15, Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế): Đề nghị nộp lại các tài liệu trên theo đúng theo mẫu được ban hành chính thức tại Nghị định số 236/2025/NĐ-CP qua cổng giao dịch điện tử tại địa chỉ: **<https://dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/homelogin>**.

3. Hướng dẫn về thông tin nộp thuế để người nộp thuế nắm được:

- Tài khoản thu NSNN: 7111.

- Tên Cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn (1131367).

- Nội dung nộp tiền: Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

- Chương: Chương NNT.

- Tiểu mục: 1058 “Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu”.

- Kho bạc Nhà nước nơi nộp thuế: Ban Giao dịch, Kho bạc Nhà nước.

Lưu ý: Người nộp thuế khai số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tại Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung bằng đồng tiền nào thì nộp thuế bằng đồng tiền đó.

4. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình khai, nộp thuế TNDN bổ sung theo Quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, người nộp thuế gửi email về địa chỉ: **thuetndnbosung@gdt.gov.vn** để được hỗ trợ.

Thuế tỉnh Bắc Ninh thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để T/hiện);
- Cục thuế (để B/cáo);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh (c/đạo);
- Các phòng, các thuế sở sở;
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN1 (cqkhai)



**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Nguyễn Cẩm Tâm